

B NG ã I M H C PH N - MĐN THÌ NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : 35CLC1-CĐ N h c : 2012-2013 ã VHT : 3
(45,0,0,0,0,0)

H ã T : H c ph n : 1230671006-802 - To ã n g d ã g 2 H c km : HK03

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ñ I M THÌ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ñ I M THI	QUY TS : 70.00%	ñ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
1	3571010026	35CLC1-CĐ	Nguy n Tu n Anh	15/03/1993				6.5			6.5	2.0	5.0	3.5	5.5	
2	3571010078	35CCĐ3	Nguy n Tu n Anh	26/03/1993				8.0			8.0	2.4	7.3	5.1	7.5	
3	3575011472	35CXD6	Tr n Qu c Ân	02/03/1993				6.8			6.8	2.0	7.0	4.9	6.9	
4	3475010016	34CXD6	Nguy n VIO B o	25/06/1989				6.8			6.8	2.0	7.5	5.3	7.3	
5	3471010022	34CCD4	Tr n Tĩ n B o	15/10/1992				6.0			6.0	1.8	2.0	1.4	3.2	
6	3574010148	35COT2	Tr n Vñ Thi n B o	01/09/1993				8.0			8.0	2.4	5.8	4.1	6.5	
7	3571010191	35CCĐ4	ñ inh Xu ^a n C nh	07/05/1991				8.0			8.0	2.4	7.3	5.1	7.5	
8	3571010047	35CCĐ3	Ng» ã nh C nh	05/01/1993				7.8			7.8	2.3	7.5	5.3	7.6	
9	3571010074	35CCĐ3	Ph m Quang C n	24/12/1993				7.3			7.3	2.2	8.0	5.6	7.8	
10	3471010048	34CCD3	Bùi Xuân C ng	02/12/1992				6.3			6.3	1.9	7.0	4.9	6.8	
11	3571010243	35CCĐ3	L u Vñ C ng	15/11/1993				5.8			5.8	1.7	3.3	2.3	4.1	
12	3571010505	35CCĐ5	Nguy n ã nh Chung	11/09/1992				5.0			5.0	1.5	0.3	0.2	1.7	
13	3475010026	34CXD1	Nguy n Vñ Chung	08/03/1992				6.3			6.3	1.9	3.0	2.1	4.0	
14	3474010011	34COT1	ñ ng Ng c Dân	20/11/1992				8.8			8.8	2.6	8.0	5.6	8.2	N HP
15	3475010044	34CXD3	Ngô Quang Duy	20/03/1992				5.8			5.8	1.7	5.5	3.9	5.6	
16	3475010046	34CXD1	Phan Thanh Duy	03/10/1992				6.8			6.8	2.0	7.5	5.3	7.3	
17	3471010072	34CCD1	Nguy n Ng c Duyên	17/07/1992				5.8			5.8	1.7	3.5	2.5	4.2	
18	3574011072	35COT1	Tr n Minh D ng	30/04/1993				7.5			7.5	2.3	8.3	5.8	8.1	
19	3571011174	35CCĐ1	VHñ c ã o	19/06/1993				5.3			5.3	1.6	7.3	5.1	6.7	

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 35CLC1-C ấ N ấ h c : 2012-2013 ấ VHT : 3
(45,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 1230671006-802 - T ấ n ấ d ấ g 2 H c km : HK03

STT	M í S	L P SV	H V i T c N	NGÀY SINH	ấ I M TH i NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấ I M THI	QUY TS : 70.00%	ấ I M TK	GHI CHÚ	
					L1	L2	L3	L4	L5	L6							
20	3571011614	35CCĐ7	Lê Phúc	ấ t	13/09/1993				7.0			7.0	2.1	5.0	3.5	5.6	
21	3571010687	35CCĐ2	L² T n	ấ t	03/03/1993				7.5			7.5	2.3	5.0	3.5	5.8	
22	3571010141	35CCĐ3	Mai Thành	ấ t	10/10/1990				6.5			6.5	2.0	5.3	3.7	5.7	
23	3571011839	35CCĐ3	Nguy n T n	ấ t	21/05/1993				7.5			7.5	2.3	5.8	4.1	6.3	
24	3471010085	34CCD4	Ph m V ấ	ấ t	30/07/1991				6.5			6.5	2.0	3.5	2.5	4.4	
25	3571010130	35CCĐ3	Nguy n Duy	ấ nh	20/11/1991				7.0			7.0	2.1	4.5	3.2	5.3	
26	3475010065	34CXD3	Ph m Minh	ấ nh	01/02/1992				5.0			5.0	1.5	5.0	3.5	5.0	
27	3571010614	35CCĐ5	B ấ i Ng c	Ho ầ ng	12/12/1993				5.8			5.8	1.7	7.0	4.9	6.6	
28	3471010133	34CCD2	Ho ầ ng V ấ	H ng	10/01/1991				5.0			5.0	1.5	4.3	3.0	4.5	
29	3571010773	35CCĐ1	Nguy n Ph c	H ầ ng	29/12/1993				5.5			5.5	1.7	2.8	2.0	3.6	
30	3575031628	35CNVL1	Cao ấ c	H ng	13/06/1993				5.5			5.5	1.7	3.0	2.1	3.8	
31	3571010651	35CCĐ1	Nguy n	H ng	25/05/1993				7.3			7.3	2.2	7.0	4.9	7.1	
32	3575011274	35CLC1-DD	Ph m Nguy n Vi	Kha	04/09/1993				5.0			5.0	1.5	4.8	3.4	4.9	
33	3474010026	34COT2	Phan Duy	Khanh	10/09/1992				5.5			5.5	1.7	5.5	3.9	5.5	
34	3574011160	35COT2	Thái Phan Toàn	Khoa	15/03/1993				6.5			6.5	2.0	5.0	3.5	5.5	
35	3574011090	35COT1	D ầ ng T ầ ng	L ầ m	25/10/1992				7.5			7.5	2.3	7.5	5.3	7.5	
36	3571010219	35CCĐ2	Nguy n H u T ầ ng	L ầ m	15/06/1993				6.0			6.0	1.8	6.5	4.6	6.4	
37	3471010182	34CCD4	V ồ T ầ n Anh	Li ầ m	16/08/1992				6.8			6.8	2.0	6.5	4.6	6.6	
38	3471010189	34CCD7	L ầ ng B o	Long	30/03/1992				8.0			8.0	2.4	7.0	4.9	7.3	

Kh¹ a h c :	L p h c : 35CLC1-CĐ	N¹ m h c : 2012-2013	ñ VHT : 3 (45,0,0,0,0,0)
H ñ T :	H c ph n : 1230671006-802 - To"n ng d ng 2	H c km : HK03	

STT	Mí S	L P SV	H Ñi T c N	NGÀY SINH	ñI M THi NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ñI M THI	QUY TS : 70.00%	ñI M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
39	3574010521	35COT2	Võ Anh Lý	05/02/1992				8.0			8.0	2.4	7.8	5.5	7.9	
40	3475010157	34CXD1	Lê Bá Nam	10/01/1991				7.3			7.3	2.2	4.3	3.0	5.2	
41	3575010728	35CLC1-DD	L u ñ ñ g	Nam	17/12/1993			4.5			4.5	1.4	1.5	1.1	2.4	
42	3571010292	35CCĐ4	Tr n H ñ g	Nam	24/04/1992			6.5			6.5	2.0	6.5	4.6	6.5	
43	3575010697	35CLC1-DD	Tr n T ñ g	Ng c	16/06/1993			5.5			5.5	1.7	4.5	3.2	4.8	
44	3571010645	35CCĐ1	Nguy n Ng c	Nh t	21/09/1993			6.8			6.8	2.0	5.3	3.7	5.8	
45	3475010182	34CXD5	Huỳnh Vñ	Nh	14/03/1992			5.0			5.0	1.5	6.3	4.4	5.9	
46	3475010195	34CXD1	H Minh	Phú	08/03/1992			6.8			6.8	2.0	7.0	4.9	6.9	
47	3571010008	35CLC1-CĐ	Nguy n	Phúc	06/09/1993			7.0			7.0	2.1	3.8	2.7	4.8	
48	3474010053	34COT1	Tr n Xu a n	Phúc	10/11/1991			5.8			5.8	1.7	4.8	3.4	5.1	
49	3474010049	34COT1	Bùi Chính	Ph ñ g	14/08/1992			5.3			5.3	1.6	4.8	3.4	5.0	
50	3475010203	34CXD3	Nguy n Ho a	Ph ñ g	14/12/1992			4.5			4.5	1.4	3.8	2.7	4.0	
51	3475010211	34CXD3	Phan Minh	Quân	12/04/1992			7.5			7.5	2.3	6.5	4.6	6.8	
52	3475050022	34CNVL	Vñ	Quy t	07/07/1992			5.0			5.0	1.5	6.0	4.2	5.7	
53	3574011676	35COT2	Tr n B	S ñ g	27/06/1992			5.5			5.5	1.7	3.5	2.5	4.1	
54	3475050024	34CNVL	Nguy n Chi n	S	11/11/1992			5.8			5.8	1.7	6.0	4.2	5.9	
55	3551010060	35CCĐ6	Ph ñ g Kh c Anh	Tài	21/05/1993			5.5			5.5	1.7	2.8	2.0	3.6	
56	3574010556	35COT1	Thi u Minh	Tài	07/02/1993			6.3			6.3	1.9	7.8	5.5	7.4	
57	3471010279	34CCD2	Tr n Tu n	Tài	03/10/1990			5.8			5.8	1.7	7.5	5.3	7.0	

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 35CLC1-CĐ N ấ h c : 2012-2013 ấ VHT : 3
(45,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 1230671006-802 - T ấ n ấ d ấ g 2 H c km : HK03

STT	M ấ S	L P SV	H ấ Vi T ấ N		NG ấ Y SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấ I M THI	QUY TS : 70.00%	ấ I M TK	GHI CHÚ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
58	3574011123	35COT1	Mai Thanh	T ấ m	18/03/1993				7.0			7.0	2.1	5.5	3.9	6.0	
59	3575011244	35CXD6	Ph m Vi t	T ấ m	23/07/1992				8.5			8.5	2.6	6.0	4.2	6.8	
60	3471010275	34CCD2	B ấ i V ấ	T ấ n	14/11/1991				5.5			5.5	1.7	8.5	6.0	7.6	
61	3575030038	35CNVL1	B ấ i Th Y n	Ti ấ n	15/08/1993				5.0			5.0	1.5	2.5	1.8	3.3	
62	3471010336	34CCD1	Nguy n V ấ	Ti ấ n	11/10/1992				6.3			6.3	1.9	6.0	4.2	6.1	
63	3575030625	35CNVL1	Nguy n Th	Ti ấ n	03/02/1993				5.0			5.0	1.5	5.0	3.5	5.0	
64	3574010347	35COT2	Ph m Trung	Ti ấ n	05/12/1993				8.0			8.0	2.4	7.5	5.3	7.7	
65	3475050037	34CNVL	V ấ H u	Ti ấ n	17/11/1992				6.3			6.3	1.9	6.0	4.2	6.1	
66	3571010321	35CCĐ4	Tr n Minh	Tu ấ n	24/05/1992				6.8			6.8	2.0	7.0	4.9	6.9	
67	3475010322	34CXD5	Tr n B ấ	Tu ấ n	29/11/1992				5.0			5.0	1.5	0.5	0.4	1.9	
68	3574011096	35COT1	H Ph ấ ng	Tu ấ n	04/01/1993				7.0			7.0	2.1	6.5	4.6	6.7	
69	3575010670	35CLC1-DD	Nguy n Duy	Tu ấ n	13/09/1993				7.5			7.5	2.3	5.3	3.7	6.0	
70	3575010689	35CLC1-DD	H ấ Vi t	Thanh	20/06/1993				5.5			5.5	1.7	5.8	4.1	5.7	
71	3475010256	34CXD2	Nguy n Vi t	Th ch	10/07/1992				5.8			5.8	1.7	7.0	4.9	6.6	
72	3571010345	35CLC1-CĐ	H ấ V ấ	Th o	22/02/1993				7.3			7.3	2.2	6.0	4.2	6.4	
73	3475010269	34CXD4	ấ inh B o	Thi	27/01/1992				5.0			5.0	1.5	7.0	4.9	6.4	
74	3475050034	34CNVL	Nguy n Ho ấ ng	Th nh	22/08/1992				7.3			7.3	2.2	5.3	3.7	5.9	
75	3571010050	35CCĐ3	Tr n Qu c	Th nh	06/02/1993				8.0			8.0	2.4	8.0	5.6	8.0	
76	3471010334	34CCD3	Ho ấ ng ấ nh	Th ấ ng	09/03/1990				6.8			6.8	2.0	5.5	3.9	5.9	

B NG ấI M H C PH N - MĐN TH ầ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 35CLC1-CĐ N ấ h c : 2012-2013 ấ VHT : 3
(45,0,0,0,0,0)
H ấ T : H c ph n : 1230671006-802 - To ầ n ầ đ ầ g 2 H c km : HK03

STT	Mí S	L P SV	H V ầ T c N		NGÀY SINH	ấI M TH ầ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấI M THI	QUY TS : 70.00%	ấI M TK	GHI CHÚ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
77	3571011744	35CCĐ7	Lê Thanh	Tri u	20/07/1993				7.0			7.0	2.1	4.0	2.8	4.9	
78	3474010082	34COT1	Ph m Minh	Trí	22/07/1992				5.5			5.5	1.7	5.0	3.5	5.2	
79	3574010291	35COT2	ấ o ầ Thanh	Trong	13/08/1993				7.5			7.5	2.3	8.0	5.6	7.9	
80	3475010311	34CXD5	La T n	Trung	12/05/1992				6.5			6.5	2.0	8.0	5.6	7.6	
81	3471010356	34CCD4	V ½ H u	Trung	04/07/1991				5.3			5.3	1.6	0.5	0.4	1.9	
82	3571011332	35CCĐ6	Ph ầ ng Vi t	Trúc	12/12/1992				5.3			5.3	1.6	7.5	5.3	6.8	
83	3575011523	35CXD6	ấ nh	Tr ầ g	26/07/1992				7.5			7.5	2.3	6.5	4.6	6.8	
84	3571010125	35CCĐ3	Nguy n Tr n Th	Vinh	08/04/1993				7.8			7.8	2.3	6.5	4.6	6.9	
85	3475010351	34CXD5	Nguy n Kh c	V	05/09/1992				7.0			7.0	2.1	8.0	5.6	7.7	
86	3475010354	34CLC-DD1	Nguy n H ầ ng	V ầ g	26/12/1992				0.0			0.0	0.0	0.8	0.6	0.6	

T ầ g s : 86 h c sinh sinh vi ² n
Tp.HCM, ngày / /
Tr ầ ng Khoa Gi ầ o Vi ² n B M ầ n Gi ầ o V ầ Khoa